



nà nián

那年

noun phrase · that year

Example Sentences

nà nián xià tiān wǒ men qù le hǎi biān

那年夏天我们去了海边。

That summer we went to the seaside.

nà nián tā gāng mǎn shí bā suì

那年他刚满十八岁。

That year he just turned eighteen.

Trace each character, then write the word on your own.

那	那	那	那	那	那	那	那	那		
年	年	年	年	年	年	年	年	年		